

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2021/HS-ST

Ngày: 25 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và bà Dương Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1985 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Lê Thị Da M- sinh năm 1963; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 17/4/2019, bị Công an phường ĐV thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 1.500.000 đồng.

Nhân thân:

- Ngày 20/4/2005, bị Công an phường ĐV, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xử phạt hành chính với số tiền 125.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 12/5/2006, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 30/4/2008.

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Thanh B- Sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu phố 4, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 20/02/2021, Nguyễn Văn T đi bộ ngang qua nhà ông Hồ Văn H(sinh năm 1967, địa chỉ: Khu phố 4, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận) thì thấy nhà không khoá cửa ngõ, bên trong sân đang dựng 01 xe mô tô hiệu Suzuki, màu xanh, biển số 85R2 – 0161 của ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1968, ở Khu phố 5, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Ông B gửi xe ở nhà ông H để đi công việc tại Tp. H) không có người trông coi. T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này để làm phương tiện đi lại, T đi vào trong sân nhà ông H dắt xe đi ra khỏi nhà rồi dắt bộ đi được khoảng 30 mét theo hướng lên ga Tháp Chàm. Vừa lúc này, ông H trên đường đi ăn sáng về bắt gặp T đang dắt xe mô tô nên giữ T lại, đồng thời báo cho Cơ quan Công an. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 04/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 xe mô tô hiệu Suzuki, màu xanh, biển số 85R2 – 0161 có giá trị thực vào thời điểm chiếm đoạt là 4.300.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô hiệu Suzuki, màu xanh, biển số 85R2 – 0161 của ông Nguyễn Thanh B. Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Thanh B không yêu cầu.

Cáo trạng số: 104/CT-VKSPRTC ngày 21/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và không có ý kiến về Bản kết luận định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Điều h (phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn), i (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng), s (người phạm tội thành khẩn khai báo) khoản 1; Khoản 2 (bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 20/02/2021 tại Khu phố 4, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp một xe mô tô hiệu Suzuki, màu xanh, biển số 85R2 - 0161 của ông Nguyễn Thanh B, trị giá 4.300.000 đồng. Vì vậy Cáo trạng số: 104/CT-VKSPRTC ngày 21/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức và điều chỉnh hành vi, biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam nên vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nên phải xử phạt bị cáo mức án phù hợp với Th chất, mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có một tiền sự, có nhân thân xấu. Bị cáo đã nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không chịu tu sửa, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi

phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại một xe mô tô hiệu Suzuki, màu xanh, biển số 85R2 - 0161 cho ông Nguyễn Thanh B là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Thanh B không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Tp. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an Tp. PR-TC;
- CQTHAHS Công an Tp. PR-TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Trần Thanh Thư

